

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Dùng cùng phiếu học sinh; Bài, Câu và tr. chỉ đúng vị trí câu hỏi. Chọn bài theo điều cần biết trước, để trẻ tự thử rồi mới xem đáp án. Ghi riêng phần trợ giúp, chia nhỏ khi cần và thực hiện thật các hoạt động có đồ dùng.

CHUẨN BỊ CHUNG

Thẻ trăm, chục, đơn vị hoặc bộ đồ dùng toán; giấy và bút. Có thể dùng lại đồ dùng sau mỗi nhiệm vụ.

CÁCH TỔ CHỨC

Thử nghĩ kết quả trước khi lấy đồ dùng để kiểm. Nếu còn cần dùng vật để tìm, cứ dùng và ghi rõ phần hỗ trợ.

Viết phép tính khi đề yêu cầu; không bấm giờ hoặc xếp hạng theo tốc độ.

LƯU Ý CHUNG

Nhắm là nghĩ cách tìm kết quả, không phải thi nhanh. Hỏi cách nghĩ, rồi cho dùng vật hoặc hình để kiểm.

Ghi riêng trẻ nhắm trước hay cần đồ dùng để tìm lần đầu. Không ép giấu đồ dùng khi trẻ còn cần.

Hai số được cộng gọi là các số hạng; kết quả phép cộng là tổng. Tổng cần gần đúng lượng trong câu chuyện.

Bài 1 · tr. 01 **Số hạng, tổng và cộng trong 20**

Mục tiêu Nhận biết số hạng, tổng và nhắm các phép cộng đơn giản trong 20.

Ví dụ Trong $6 + 3 = 9$, các số 6 và 3 là số hạng; 9 là tổng. Có thể nghĩ sáu thêm ba được chín, rồi dùng vật kiểm tổng của hai nhóm.

Câu 1 · tr. 01 $7 + 2 = 9$; số hạng 7 và 2, tổng 9.

Câu 2 · tr. 01 $10 + 7 = 17$.

Câu 3 · tr. 01 12 và 4 là hai số hạng; 16 là tổng.

Câu 4 · tr. 01 $5 + 0 = 5$; 5 và 0 là hai số hạng. Thêm 0 giữ nguyên lượng.

Bài 2 · tr. 01 **Làm đủ mười để nhắm cộng**

Mục tiêu Dùng cách tách số để làm đủ 10 rồi nhắm tổng không quá 20.

Ví dụ Nhắm $8 + 5$: tách 5 thành 2 và 3; 8 với 2 đủ 10, còn 3 nên tổng 13. Tách 5 không làm mất phần nào, vì 2 với 3 vẫn là 5.

Câu 1 · tr. 02 $8 + 4 = 12$. Tách 4 thành 2 và 2: 8 với 2 thành 10, thêm 2 được 12.

Câu 2 · tr. 02 $9 + 6 = 15$. Tách 6 thành 1 và 5; 9 với 1 đủ 10, còn 5.

ĐÁP ÁN VÀ GỢI Ý HỖ TRỢ · Chỉ mở sau khi tự thử.

Bài 2 · nhiệm vụ 3 · tiếp tục

Câu 3 · tr. 02 $7 + 5 = 12$. Có thể tách 5 thành 3 và 2 để làm đủ 10.

Câu 4 · tr. 02 $6 + 7 = 13$. Có tất cả 13 bút. Có thể tách 7 thành 4 và 3 để 6 đủ 10.

Bài 3 · tr. 02 **Nhắm cộng từ một tổng đã biết**

Mục tiêu Dùng tổng hai số bằng nhau hoặc tổng gần đó để nhắm trong 20.

Ví dụ Biết $7 + 7 = 14$ thì $7 + 8$ nhiều hơn tổng đó 1, nên bằng 15. Cũng có thể làm đủ 10; chọn cách em hiểu và kiểm được.

Câu 1 · tr. 02 $6 + 6 = 12$; $6 + 7 = 13$, tổng sau nhiều hơn 1.

Câu 2 · tr. 03 $9 + 9 = 18$; $9 + 8 = 17$, tổng sau ít hơn 1.

Câu 3 · tr. 03 Cả hai tổng bằng 13; đổi thứ tự hai nhóm được gộp không đổi lượng tất cả.

Câu 4 · tr. 03 $8 + 7 = 15$; có thể dùng $7 + 7 = 14$ rồi thêm 1, hoặc làm đủ 10.

Bài 4 · tr. 03 **Nhắm cộng, giải chuyện và tự kiểm**

Mục tiêu Nhắm tổng trong 20, trả lời chuyện và kiểm một nhận định về phép cộng.

Ví dụ Khay có 9 thẻ, đặt thêm 4 thẻ. Nghĩ 9 với 1 đủ 10, còn 3 nên có 13 thẻ; viết $9 + 4 = 13$. Kết quả 13 trả lời số thẻ sau cùng, không phải số khay.

Câu 1 · tr. 03 $8 + 6 = 14$ và $6 + 8 = 14$.

Câu 2 · tr. 03 $10 + 9 = 19$; $12 + 0 = 12$. Thêm 0 không đổi lượng.

Câu 3 · tr. 03 $9 + 7 = 16$. Có thể làm đủ 10 bằng 1 trong 7, còn 6.

Câu 4 · tr. 04 $7 + 8 = 15$. Cả hai hộp có 15 chiếc kẹo.

Bài 5 · tr. 04 **Nhắm cộng số tròn chục, tròn trăm trong 1000**

Mục tiêu Nhắm cộng số tròn chục, tròn trăm trong 1000 bằng số nhóm.

Ví dụ $300 + 200$ là 3 trăm cộng 2 trăm, được 5 trăm tức 500. Với $70 + 50$, 7 chục cộng 5 chục được 12 chục, là 120. Không coi 7 chục là 7 đơn vị.

Câu 1 · tr. 04 $70 + 50 = 120$ theo chục; $230 + 40 = 270$ vì 23 chục thêm 4 chục thành 27 chục.

Câu 2 · tr. 04 $500 + 300 = 800$; $800 + 200 = 1000$, tức 10 trăm.

Câu 3 · tr. 04 $460 + 270 = 730$; $900 + 100 = 1000$.

Câu 4 · tr. 04 $600 + 100 = 700$. Có tất cả 700 tờ giấy.

Dùng thẻ trăm/chục để kiểm nếu cần; 1000 là 10 trăm. Bài nhắm theo nhóm không yêu cầu trình bày thuật toán đặt tính.